

Số: 143 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 26 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 24/9/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế Nghệ An. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược:	3,88
+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống:	3,91
+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng:	3,88
+ Kết quả hoạt động:	3,71

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình $\leq 2,0$

(chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kinh tế Nghệ An thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Kinh tế Nghệ An theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**





PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Kèm theo Nghị quyết số 143/NQ-HĐKĐCLV ngày 26/9/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,88
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,00
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lí	3,75
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	3,75
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	3,75
Tiêu chuẩn 6: Quản lí nguồn nhân lực	4,00
Tiêu chuẩn 7: Quản lí tài chính và cơ sở vật chất	4,00
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,91
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,83
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4,00
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,80
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,88
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	3,80
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,80
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,80
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,75
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,25
Tiêu chuẩn 18: Quản lí nghiên cứu khoa học	4,00
Tiêu chuẩn 19: Quản lí tài sản trí tuệ	3,75
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,00
Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3,71
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	3,75
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,83
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	3,75
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	3,50

PHỤ LỤC 2

Kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

(Kèm theo Nghị quyết số 143/NQ-HĐKĐCLV ngày 26/9/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)



Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kinh tế Nghệ An giai đoạn 2017-2021 cho thấy, Trường có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường được định kỳ rà soát và tuyên bố chính thức trong văn bản Chiến lược phát triển, phù hợp với nguồn nhân lực, tài lực trong quá trình phát triển của trường với Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Nghệ An và của cả nước; xây dựng, ban hành 03 phiên bản chiến lược trong chu kỳ đánh giá (giai đoạn 2015-2020, 2018-2020, 2022-2025, Tầm nhìn đến 2035), gắn kết với Sứ mạng, Tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường; hệ thống quản trị của Trường được thành lập theo các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định khác của Nhà nước và của đơn vị chủ quản; có các quy chế hoạt động thể hiện trách nhiệm giải trình, sự minh bạch trong quá trình hoạt động; có ban hành quy trình giám sát và phân công đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, theo dõi, giám sát và tổ chức tập huấn xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng; thực hiện điều chỉnh các văn bản quản lí, cơ cấu đội ngũ và nhu cầu về nguồn nhân lực để xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn; ban hành các văn bản quy định/quy trình, tiêu chí tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ rõ ràng; xây dựng kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

Trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng và xây dựng mạng lưới Đảm bảo chất lượng từ cấp Hội đồng trường đến các đơn vị chức năng để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng; ban hành đầy đủ các chính sách đảm bảo chất lượng và được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lí; ban hành Chiến lược và kế hoạch thực hiện Chiến lược Đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2020, Tầm nhìn 2030 và kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm (từ 2018) và triển khai thực hiện đúng quy trình; tổ chức rà soát và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; có Kế hoạch thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2020, Tầm nhìn 2030 và kế hoạch Đảm bảo chất lượng hằng năm; có tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm và giai đoạn, có tính liên tục để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; ban hành Quy định về lựa chọn đối tác, các tiêu chí/nội dung của đối tác để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng và thực hiện đối sánh để cải tiến chất

lượng các hoạt động; thường xuyên rà soát các văn bản quản lí, điều hành, bổ sung nội dung, ban hành (mới) một số quy định, quy trình theo hướng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

Trường đã tiến hành xây dựng Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành hệ thống văn bản để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT; ban hành và tuyên bố chính thức triết lí giáo dục “*Thực tế - Đón đầu - Hội nhập*”; chỉ đạo và tổ chức các hoạt động hỗ trợ giảng viên để xây dựng CTĐT và chuẩn đầu ra; có hệ thống giám sát hoạt động dạy học; có Quy chế tổ chức kiểm tra và đánh giá học phần; có phần mềm khảo thí hỗ trợ công tác điều hành, quản lí và xử lí dữ liệu; có cơ chế tổ chức hoạt động và các văn bản quy định chung của Trường về nhiệm vụ, quyền của người học và các hoạt động liên quan đến hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học; có quy chế quản lí hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học và công nghệ; có các quy định, kế hoạch, chính sách về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, có đội ngũ nhân sự và các đơn vị chịu trách nhiệm cho hoạt động này.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

Hàng năm Trường xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo toàn khóa cho mỗi CTĐT, có dự báo tỉ lệ tốt nghiệp theo từng khoảng thời gian, làm cơ sở cho việc dự báo thời gian thời gian tốt nghiệp của khóa học; có các văn bản quy định rõ về loại hình, khối lượng nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ; có quy định định mức hoạt động khoa học và công nghệ đối với mỗi chức danh nghề nghiệp; ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030; thu thập và xử lí các thông tin phản hồi về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng từ nhiều nguồn khác nhau; các đơn vị chức năng của Trường có trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và bổ sung, cập nhật vào cơ sở dữ liệu theo quy định của Trường.

Tuy nhiên, để tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo các nhóm giải pháp cụ thể được đề xuất sau đây:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Khi rà soát Tầm nhìn và Sứ mạng, Trường nên áp dụng nhiều hình thức khảo sát để thu thập được trên diện rộng các ý kiến đóng góp của tất cả các bên liên quan; ban hành các Nghị quyết chỉ đạo cụ thể về việc giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của Trường; giao trách nhiệm cho một đơn vị/bộ phận chức năng theo dõi, giám sát và đánh giá mức độ các đơn vị thấm nhuần được Giá trị văn hóa của Trường và thể hiện được các

giá trị này trong các hoạt động, đồng thời hằng năm đánh giá và tổng hợp kết quả đạt được để lập kế hoạch hành động cho năm tiếp theo; đa dạng các hình thức giới thiệu, truyền thông, phổ biến về Tầm nhìn, Sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan như: xây dựng các ấn phẩm giới thiệu về Trường.

2. Khi rà soát hệ thống các văn bản quản trị của Trường, từng đơn vị, hội đồng và các tổ chức đoàn thể cần nghiên cứu, đánh giá một cách bài bản về tính hiệu quả của các văn bản quản trị; lấy ý kiến các chuyên gia về quản trị đại học để tư vấn điều chỉnh hoặc xây dựng các giải pháp thực hiện chiến lược một cách khoa học, phù hợp, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động và trên cơ sở lí luận khoa học và thực tiễn nhằm gia tăng được vị thế và uy tín của Trường và những đóng góp cho cộng đồng và địa phương; hằng năm, cần có Nghị quyết liên quan đến việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và xây dựng/ban hành các văn bản của hệ thống quản trị; rà soát văn bản để tổ chức và quản lí hoạt động của Trường để điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi trong cơ cấu tổ chức và theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học.

3. Kịp thời rà soát, bổ sung văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị để thuận lợi cho việc theo dõi chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lí; đa dạng hóa các hình thức truyền thông về Tầm nhìn, Sứ mạng và giá trị cốt lõi, tận dụng ấn phẩm của Trường như Cẩm nang Sinh viên, Phương án tuyển sinh, Thông tin khoa học Kinh tế - Kỹ thuật; quy định cụ thể về việc định kì rà soát, yêu cầu rà soát, cách thức tổ chức rà soát những quy định liên quan đến vai trò, chức năng và các mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lí, nhằm giúp cho hoạt động quản lí được hiệu quả; giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các trưởng/phó Bộ môn đi đào tạo đáp ứng yêu cầu trình độ (tiến sĩ).

4. Rà soát, điều chỉnh quy trình xây dựng chiến lược đầy đủ các bước theo chu trình PDCA nhằm đảm bảo tính thống nhất và gắn kết với nhau giữa các bước thực hiện; xác định các mục tiêu trọng tâm, phân bổ các chỉ tiêu phần đầu chính cụ thể cho từng đơn vị có liên quan lồng ghép vào kế hoạch hàng năm; xây dựng quy trình và bộ công cụ thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược, chỉ tiêu phần đầu chính; giao trách nhiệm cho bộ phận chuyên trách công tác đánh giá, rà soát các chỉ tiêu định kì; thực hiện đối sánh, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược, các chỉ tiêu phần đầu chính tại các lĩnh vực hoạt động.

5. Xây dựng các chính sách hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng thành văn bản chính thức trong toàn Trường để triển khai các hoạt động; rà soát quy trình xây dựng chính sách, giám sát sự tuân thủ các chính sách, rà soát, cải tiến đảm bảo cơ chế giám sát - đánh giá theo từng lĩnh vực, báo cáo định kì riêng cho từng chính sách và cụ thể hơn vai trò, trách nhiệm cụ thể của các đơn vị; phương thức đánh giá cần phải đảm bảo tính phù hợp giữa các nội dung tuyên bố chính sách với các quy định pháp quy có liên quan

trong từng giai đoạn và với Tầm nhìn, Sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường; xây dựng quy trình lấy ý kiến rộng rãi tính hiệu quả và phù hợp của các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng.

6. Xác định các chỉ tiêu cụ thể dành cho đội ngũ chuyên môn tại các đơn vị chức năng, kế hoạch nâng cao trình độ phù hợp với tiến trình phát triển quy mô ngành nghề, đáp ứng đầy đủ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; xây dựng chính sách thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có học hàm/học vị trong từng lĩnh vực ngành nghề; bổ sung các CTĐT, bồi dưỡng và phát triển các năng lực hỗ trợ cho đội ngũ; xác định mức độ cần thiết, phân nhiệm các chủ đề một cách tổng thể và cải tiến; lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức, người lao động được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn về mức độ đáp ứng của khoa đào tạo, tính khả dụng và các nhu cầu/lĩnh vực chuyên môn cần nâng cao năng lực để xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ phù hợp; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá toàn diện năng lực của đội ngũ tương ứng với từng vị trí công việc, đảm bảo đánh giá chính xác kết quả nhiệm vụ được cả về số lượng và chất lượng; xây dựng quy trình hướng dẫn hoạt động rà soát các văn bản nội bộ nhằm đảm bảo tính cập nhật, tính hiệu lực các văn bản hiện có và có kế hoạch điều chỉnh kịp thời trong quá trình vận hành của Trường.

7. Đa dạng hóa các nguồn thu, đặc biệt từ hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng phần mềm quản lý giúp thống kê được nhu cầu và hiệu quả sử dụng trong công tác quản lý cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị; quan tâm đến cơ sở dữ liệu thông tin tổng thể và từng lĩnh vực của toàn trường để theo dõi, đối sánh theo tiến trình qua các năm; đẩy mạnh chuyển đổi số, có hệ thống dự phòng, bảo mật, quyền truy cập của các đơn vị và giải pháp quản trị rủi ro cho hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng quy trình lấy ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng nguồn học liệu hỗ trợ cho quá trình giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh hoạt động số hóa học liệu, e-book, kết nối nguồn tài nguyên mở...; xây dựng quy trình giám sát, đánh giá công tác vệ sinh, an ninh, an toàn... của các đối tác kí hợp đồng dịch vụ; xây dựng quy định/hướng dẫn về an toàn hóa chất và quản lý chất thải nguy hại phòng thực hành/thí nghiệm, có phương án xử lý, phòng ngừa/ứng phó với sự cố xảy ra tại phòng thực hành/thí nghiệm và công tác rà soát định kỳ.

8. Xây dựng kế hoạch, phân tích và đánh giá hiệu quả hợp tác với các nhóm đối tác; xây dựng chỉ tiêu dự kiến về số lượng MoU, MoA cho các giai đoạn; triển khai phân tích, đánh giá xu hướng và ra quyết định thực hiện, phát triển, cải tiến các hoạt động liên quan dựa trên các thống kê về mạng lưới, mối quan hệ, đối tác theo các giai đoạn; xây dựng các giải pháp cải tiến theo kế hoạch phát triển hằng năm cho phù hợp với chiến lược phát triển Trường theo các giai đoạn; rà soát, phân tích nguyên nhân các dự án, các MoU chưa được triển khai để tìm ra giải pháp tối ưu nhằm tiếp tục hiện thực hóa các MoU; nêu rõ mục

những hạn chế, tồn tại và đề xuất phương hướng giải quyết khắc phục trong các báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm về hoạt động đối ngoại của Trường và có biện pháp giám sát, báo cáo kết quả thực hiện theo chu trình cải tiến chất lượng liên tục PDCA.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để thực sự trở thành công cụ hữu hiệu hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lí, đáp ứng đầy đủ mục tiêu chiến lược của Trường; tiến hành đánh giá giai đoạn thực hiện mục tiêu chiến lược (5 năm) để xem xét mức độ đáp ứng của mục tiêu chiến lược so với chiến lược đảm bảo chất lượng và chiến lược phát triển Trường; xây dựng và hoàn thiện kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng hàng năm và giai đoạn 5 năm dựa trên chiến lược phát triển Trường; tiến hành phân tích, đánh giá mức độ đáp ứng của chính sách chất lượng đã ban hành.

10. Cử cán bộ tham gia công tác đảm bảo chất lượng tham dự các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng; kết nối với các cơ sở giáo dục khác có kinh nghiệm về công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch chuẩn bị đánh giá chất lượng CTĐT, đặc biệt để định hướng các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài sát với yêu cầu thực tiễn; xây dựng kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá, trong đó cần bao quát cải tiến các lĩnh vực hoạt động chính của Trường trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Rà soát, lược bỏ, bổ sung cơ sở dữ liệu trong Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, đảm bảo đồng bộ và đầy đủ để phục vụ công tác quản lí, điều hành các hoạt động của Trường; xây dựng hệ thống quản lí tích hợp để đảm bảo sự thống nhất trong liên kết dữ liệu; xây dựng phần mềm quản lí cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng riêng với tính năng kết nối, trích xuất dữ liệu (được cấp quyền/cấp phép) từ các phần mềm công tác khác, đảm bảo quản lí thống nhất và sử dụng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong; đầu tư phần mềm quản lí chuyên dụng phục vụ cho công tác quản lí đội ngũ, nghiên cứu khoa học (bao gồm cả phần mềm kiểm tra sao chép); xây dựng các tiêu chí cụ thể phục vụ cho rà soát, đánh giá hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường làm căn cứ cải tiến hệ thống; định kì rà soát, đánh giá hiệu quả của việc cải tiến về chính sách, quy trình của hệ thống quản lí thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

12. Xây dựng các tiêu chí và tổ chức đánh giá mức độ đạt được các kết quả sau cải tiến chất lượng các hoạt động để có kế hoạch tiếp tục cải tiến; rà soát, điều chỉnh quy định hoạt động so chuẩn, đối sánh, trong đó quy định rõ nội dung, các tiêu chí lựa chọn đối tác, chỉ số đo lường chất lượng các hoạt động cho phù hợp và đầy đủ với thực tế của Trường; phân tích, đánh giá kết quả so chuẩn, đối sánh và sử dụng kết quả này làm cơ sở tăng cường hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo; ban hành hướng dẫn thực hiện và cách thức sử dụng các kết quả đối sánh để xây dựng các chỉ số chiến lược và cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; bổ sung các mức hỗ trợ ghi nhận, khuyến khích cho việc cải tiến chất lượng các mặt hoạt động

của Trường trong Quy chế chi tiêu nội bộ; nên sử dụng tham chiếu quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của các cơ sở giáo dục khác để điều chỉnh quy trình này của Trường khi rà soát, cải tiến quy trình.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Thành lập bộ phận thanh tra chuyên trách chịu trách nhiệm thanh tra các hoạt động của Trường trong đó có hoạt động tuyển sinh; xây dựng hướng dẫn và quy định về công tác văn thư lưu trữ để quản lý tốt hơn hệ thống văn bản của Trường nói chung, về công tác tuyển sinh nói riêng; phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội thông qua phân tích dữ liệu tuyển sinh và tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến công tác thông tin truyền thông nhằm thu hút người học hiệu quả hơn.

14. Tiếp tục rà soát, bổ sung, cải tiến hướng dẫn về việc phát triển CTĐT, chương trình dạy học và đề cương chi tiết học phần; tích cực hoàn thiện hướng dẫn chi tiết bản mô tả CTĐT, bộ đề cương chi tiết học phần của các chương trình dạy học, chú trọng khả năng đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; thực hiện triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi trong xây dựng, đánh giá CTĐT; đối sánh với Khung trình độ quốc gia, rà soát giáo trình và tài liệu học tập ở các CTĐT; tăng cường tập huấn cho giảng viên về phát triển CTĐT; thường xuyên thu thập đầy đủ ý kiến phản hồi các nội dung cụ thể trong CTĐT và sử dụng phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTĐT.

15. Tăng cường hướng dẫn và triển khai triết lý giáo dục để giảng viên và người học vận dụng hiệu quả; đẩy nhanh việc rà soát chỉnh sửa, cập nhật đề cương chi tiết các học phần, tăng cường hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp sáng tạo để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; áp dụng chính sách đột phá trong thu hút, tuyển dụng giảng viên có trình độ cao và chức danh giáo sư, phó giáo sư về công tác lâu dài; tăng cường các hoạt động nhằm đánh giá và cải tiến phương pháp dạy học.

16. Hoàn thiện quy trình, hướng dẫn và tập huấn cho giảng viên việc thiết kế các hoạt động kiểm tra đánh giá đa dạng, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và đề thi đảm bảo tin cậy, chính xác nhằm đánh giá được toàn diện năng lực và mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; thống kê dữ liệu tuyển sinh, phân tích và đối sánh để đánh giá tác động của các hình thức và tiêu chí tuyển chọn người học, cải thiện, bổ sung một số chức năng của hệ thống quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá để thống kê xử lý điểm thi theo câu hỏi, quản lý ngân hàng câu hỏi thi, thiết kế đề thi theo mức độ phù hợp với chuẩn đầu ra, nhằm cung cấp thông tin phản hồi cho việc cải tiến liên tục chất lượng ngân hàng câu hỏi thi và các phương thức kiểm tra đánh giá; phân tích tương quan điểm đánh giá thường xuyên và điểm cuối kì của người học để có những giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng đào tạo.

17. Hoàn thiện Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ với các chỉ số KPIs trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đặc biệt là về giám sát người học; nâng

cấp hệ thống phần mềm đáp ứng việc hỗ trợ việc giám sát người học; trang bị và cập nhật nguồn học liệu thường xuyên hơn; cải tiến quy trình rà soát để xử lý thông tin đảm bảo độ tin cậy để làm căn cứ xây dựng các kế hoạch cải tiến; thống kê các chỉ số cải thiện chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hằng năm, đối sánh để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến; ban hành quy định quản lý lưu trữ dữ liệu liên quan đến hoạt động đảm bảo chất lượng một cách hệ thống.

18. Điều chỉnh, cập nhật quy chế tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học, chú trọng nguồn kinh phí chi cho khoa học công nghệ theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ và chế độ khuyến khích cho các công bố quốc tế; phát triển các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, tạo điều kiện để người học tham gia nghiên cứu khoa học cùng với cán bộ, giảng viên; triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về công tác quản lý nghiên cứu khoa học và tăng cường năng lực cho các bộ quản lý công tác nghiên cứu khoa học.

19. Đầu tư phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ, phần mềm chống sao chép; thực hiện định kỳ tổng kết, đánh giá chất lượng hoạt động quản lý tài sản trí tuệ; đề xuất các giải pháp cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để thúc đẩy cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm tăng sản phẩm khoa học công nghệ và phát minh, sáng chế; khai thác hiệu quả hơn các sản phẩm khoa học và phát minh, sáng chế của Trường; bổ sung các quy định về quản lý hoạt động triển khai sản xuất thử nghiệm hoạt động khoa học công nghệ.

20. Xây dựng các KPIs trong chiến lược và kế hoạch hợp tác khoa học công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu; rà soát, điều chỉnh chiến lược, thúc đẩy phát triển hợp tác đối tác trong nghiên cứu; tăng số lượng chương trình liên kết đào tạo phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, tiềm năng và lợi thế của Trường; thường xuyên cải thiện các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học, định kỳ đánh giá kết quả về hợp tác và đối tác nghiên cứu; qua đó, xây dựng chiến lược mở rộng, nâng cao hơn nữa hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu.

21. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phục vụ cộng đồng hằng năm với các chỉ tiêu, chỉ số cụ thể hơn; xây dựng các biện pháp thúc đẩy nhiều sinh viên hơn tham gia các đề tài khoa học, dự án mang tính ứng dụng phục vụ cộng đồng một cách hiệu quả hơn; xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ cộng đồng một cách hệ thống với đầy đủ các kế hoạch hành động, danh sách và số lượng các bên tham gia và báo cáo chi tiết khối lượng các đóng góp cho xã hội; đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng một cách đầy đủ, đồng bộ và có hệ thống.

+ Đối với *Kết quả hoạt động*

22. Thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ứng với từng CTĐT đối với các CTĐT tương ứng trong nước để từ đó có những biện pháp cải tiến phù

hợp nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của các ngành đào tạo của Trường; khảo sát đầy đủ thông tin việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong vòng 2- 3 năm để đánh giá toàn diện hơn khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên; tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động giao lưu và hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, tăng cường thực tập thực tế tại doanh nghiệp; tìm giải pháp nâng cao chất lượng và số lượng lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp để có thông tin tin cậy cho việc cải tiến chất lượng.

23. Lập kế hoạch triển khai và ban hành bổ sung các chính sách khuyến khích cán bộ giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chất lượng; bổ sung cách tính giờ quy chuẩn theo định hướng khuyến khích cán bộ giảng viên tăng cường đầu tư thời gian, công sức cho hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ sở dữ liệu, tăng cường đối sánh các chỉ số thực hiện hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế, trên cơ sở đó tiến hành rà soát đánh giá kết quả thực hiện làm căn cứ xây dựng các biện pháp cải tiến nhằm tăng cường số lượng, chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học; hướng dẫn bồi dưỡng năng lực, phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng đề tài và đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có kế hoạch đầu tư cho sinh viên nghiên cứu khoa học, đảm bảo trích đủ 3% nguồn thu từ học phí theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014.

24. Rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng, chỉ tiêu, chỉ số các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường; xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về hoạt động phục vụ cộng đồng hiệu quả hơn để xây dựng kế hoạch cải tiến; thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội các năm trong giai đoạn đánh giá và đối sánh với các trường đại học khác trong nước có cùng lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

25. Quy định cụ thể về đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với các trường trong nước và quốc tế; xây dựng đề án/kế hoạch tài chính trung và dài hạn để có giải pháp lâu dài về nguồn thu theo hướng tự chủ tài chính của trường và để thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Trường; phân tích thế mạnh của các ngành đang đào tạo, thực hiện đối sánh các kết quả đào tạo và tuyển sinh với một số trường đại học khác có cùng ngành đào tạo để xác lập một số chỉ tiêu cụ thể về lợi thế cạnh tranh và các chỉ số nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động, các chính sách và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường và giao cho một phòng chức năng của Trường là đầu mối để tích hợp toàn bộ các dữ liệu/thông tin nằm rải rác ở các đơn vị phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng được thuận lợi và khoa học hơn.



* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm (tháng 3 năm 2025) sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh./.